SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG TỈNH GIA LAI **TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ TT&TT**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 7A/QĐ-TTCNTT&TT	*Gia Lai, ngày 23 tháng 02 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai dự toán kinh phí
Nhiệm vụ: "Quản lý, vận hành, bảo trì, bảo dưỡng và duy trì các hệ thống công nghệ thông tin của tỉnh năm 2022"

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ và Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2019 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/217/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 15/QĐ-STTTT ngày 21 tháng 02 năm 2022 của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Gia Lai về việc phê duyệt dự toán kinh phí Nhiệm vụ: "Quản lý, vận hành, bảo trì, bảo dưỡng và duy trì các hệ thống công nghệ thông tin của tỉnh năm 2022"

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tổng hợp.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán kinh phí Nhiệm vụ: "Quản lý, vận hành, bảo trì, bảo dưỡng và duy trì các hệ thống công nghệ thông tin của tỉnh năm 2022" với số tiền: **1.299.000.000 đồng** (*Bằng chữ: Một tỷ, hai trăm chín mươi chín triệu đồng chẵn*).

(Có dự toán chi tiết kèm theo)

Điều 2. Các ông (bà) Trưởng phòng Tổng hợp, phòng Nghiệp vụ, phòng Đào tạo - Ứng dụng và các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận: - Như điều 2; - Sở TT&TT; - Ban Biên tập WebSite của TTCNTT&TT (đăng công khai); - Lưu VT, TH.	**GIÁM ĐỐC** **Nguyễn Dũng**

DỰ TOÁN CHI TIẾT

Nhiệm vụ: "Quản lý, vận hành, bảo trì, bảo dưỡng và duy trì các hệ thống công nghệ thông tin của tỉnh năm 2022"

(Kèm theo Quyết định số: 7A/QĐ-TTCNTT&TT ngày 23/02/2022 của Giám đốc Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông tỉnh Gia Lai)

Số TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền (Đồng)	Ghi chú
1	Chi phí tiền điện duy trì hệ thống Trung tâm Tích hợp dữ liệu (THDL)	Năm	1	460.400.000	460.400.000	*Thanh toán theo số lượng điện phát sinh thực tế hàng tháng dựa trên hóa đơn do Công ty điện lực Gia Lai cung cấp.*
2	Chi phí trực hệ thống Trung tâm THDL	Năm	1	122.950.000	122.950.000	*Chi tiết tại Bảng 1*
3	Chi phí dự phòng sửa chữa đột xuất hạ tầng, trang thiết bị của các hệ thống CNTT thuộc hệ thống trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh và chi phí thuê chuyên gia xử lý, khắc phục sự cố khi cần thiết (nếu có).	Năm	1	171.301.200	171.301.200	*Dự toán được xác định tạm tính dựa theo số liệu thanh toán của 03 năm liền kề*
3.1	*Sửa chữa nhỏ, bơm ga hệ thống máy lạnh chuyên dùng thuộc Trung tâm THDL của tỉnh*	*Năm*	*1*	*50.000.000*	*50.000.000*	
3.2	*Sửa chữa thiết bị lưu điện UPS*	*Năm*	*1*	*45.000.000*	*45.000.000*	
3.3	*Sửa chữa nhỏ thiết bị máy chủ, thiết bị HNTH ...*	*Năm*	*1*	*76.301.200*	*76.301.200*	
4	Chi phí thuê máy chủ ảo phục vụ duy trì các hệ thống thuộc hệ thống trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh (Máy chủ ảo Smart Cloud)	Gói/12 tháng	1	58.858.800	58.858.800	*Báo giá*

5	Chi phí bảo trì, bảo dưỡng thiết bị hệ thống bảo mật và cảnh báo an toàn an ninh thông tin (Bảo trì thường xuyên và bảo trì, bảo hành đột xuất, không thường xuyên)	Năm	1	183.700.000	183.700.000	
5.1	*Chi phí bảo trì, bảo dưỡng thiết bị hệ thống bảo mật và cảnh báo an toàn an ninh thông tin (Bảo trì thường xuyên)*	*Năm*	*1*	*95.000.000*	*95.000.000*	*Báo giá*
5.2	*Chi phí bảo trì, bảo dưỡng thiết bị hệ thống bảo mật và cảnh báo an toàn an ninh thông tin (Bảo trì, bảo hành đột xuất, không thường xuyên)*	*Năm*	*1*	*88.700.000*	*88.700.000*	*Báo giá*
6	Chi phí bảo trì, bảo dưỡng thiết bị Hệ thống Hội nghị truyền hình (Bảo trì thường xuyên và bảo trì, bảo hành đột xuất, không thường xuyên)	Năm	1	127.100.000	127.100.000	
6.1	*Chi phí bảo trì, bảo dưỡng thiết bị Hệ thống Hội nghị truyền hình (Bảo trì thường xuyên)*	*Năm*	*1*	*96.000.000*	*96.000.000*	*Báo giá*
6.2	*Chi phí bảo trì, bảo dưỡng thiết bị Hệ thống Hội nghị truyền hình (Bảo trì, bảo hành đột xuất, không thường xuyên)*	*Năm*	*1*	*31.100.000*	*31.100.000*	*Báo giá*
7	Chi phí bảo trì hệ thống máy lạnh chuyên dụng thuộc Trung tâm Tích hợp dữ liệu của tỉnh	Năm	1	91.200.000	91.200.000	*Báo giá*
8	Chi phí duy trì đường truyền cáp quang FTTH 80Mbps dự phòng	Gói/12 tháng	1	16.500.000	16.500.000	*Thực hiện theo giá Hợp đồng các năm 2019, 2020, 2021.*

9	Mua bản quyền chứng thư số GloablSign Domain Wildcard SSL cho domain: *.gialai.org.vn. (Thời hạn 3 năm).	Gói	1	66.990.000	66.990.000	*Báo giá*
TỔNG CỘNG					**1.299.000.000**	

*(Bằng chữ: **Một tỷ, hai trăm chín mươi chín triệu đồng chẵn**).*